

Bản án số: 1322/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thanh Minh

2. Ông Bùi Quang Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3453/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6833/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quán V, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Chung cư N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Chung cư B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Lan A, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Quán V đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/7/2017 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Trần Quán V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Thị Lan A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố

Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 14/11/2013. Sau khi kết hôn được một thời gian thì ông và bà A thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và khi vợ chồng dọn về ở Chung cư B, Phường C, quận T thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, tính tình không hợp nhau, tính cách sống trái ngược nhau, cãi nhau gay gắt. Đến tháng 8/2016, bà Lan A tự ý dọn đồ bỏ ra ngoài đi đâu không rõ, kể từ thời điểm đó đến nay ông và bà Lan A đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trương Thị Lan A.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Do bận việc, ông đề nghị được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là bà Trương Thị Lan A, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng cho đến nay, bà A vẫn không có văn bản trả lời cho Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú và thông tin xuất nhập cảnh của bà Trương Thị Lan A thì được biết bà A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; bà A đã xuất nhập cảnh nhiều lần và lần gần nhất xuất cảnh là ngày 14/3/2018, chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn là bà Trương Thị Lan A có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện nay, bà A đang xuất cảnh đi nước ngoài, chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 và Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa (lần 2). Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của ông Trần Quán V yêu cầu ly hôn bà Trương Thị Lan A, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của ông V (ông V cam kết chịu

hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của ông) thì thực tế sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa ông V và bà A phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được và từ tháng 8/2016, bà A tự sống ly thân, bỏ đi đâu không rõ, ông V không còn liên lạc với bà A. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông V và bà A là rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông V yêu cầu ly hôn với bà A là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông V ly hôn với bà A là phù hợp với thực tế, được chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Trần Quán V xác định không có, Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông V chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quán V được ly hôn với bà Trương Thị Lan A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 14/11/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Quán V và bà Trương Thị Lan A không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Trần Quán V khai không có, Tòa không xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trần Quán V chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông V đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0032508, ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V đã nộp đủ tiền án phí.

4. Ông Trần Quán V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Trương Thị Lan A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường 7, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Cao